

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	828	864	854	877	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	804	828	828	854	
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	28	40	30	25	
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	4	4	4	2	
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX					
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	HTX	45		46	46	
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	90		90	90	
	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX					
	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX					
	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX					
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã					
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	188.984	196.162	164.192	164.442	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới	Thành viên				250	
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên					
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	17.380	17.863	17.863	18.013	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số lao động thường xuyên mới	Người					
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	12.836	13.243	13.243	13.513	
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	5.740		5.797	5.860	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	4.329		4.345	4.336	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	1.228		1.452	1.524	
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	4.100	4.010	4.010	4.020	
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	909	1.010	1.010	1.100	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	62			65	
II	Liên hiệp hợp tác xã						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	5	5	5	6	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX	5	5	5	5	
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	-	-	-	1	
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX	-	-	-	-	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX	-	-	-	-	
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	53	53	53	60	
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	30	30	30	41	
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	3.325			6.500	
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	664			1.300	
III	Tổ hợp tác						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	3.552	3.709	3.709	3.804	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	61.422	61.794	61.589	61.939	
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	1.050	1.800	1.800	350	
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	226	250	296	320	
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm			55	57	

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX